

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ
LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH
ĐẰNG GIÁC KINH**

**TỊNH KHÔNG PHÁP SƯ CHỦ GIẢNG
TẠI CƯ SĨ LÂM SINGAPORE
(Tháng 11 năm 1994)
Chuyển ngữ: Cư Sĩ Thanh Trí**

**Biên Soạn: Gia đình cư sĩ Diệu Âm Diệu Bảo
Biên tập và hiệu đính: Cư sĩ Thiện Đức**

TẬP 06

“U chur chúng sanh, thị nhược tự kỷ, chân tế phụ hà, giai độ bỉ ngạn”.

(Đôi với chúng sanh xem như chính mình, cứu giúp phò trợ, đều độ chúng sanh đến bờ giác ngộ).

Bốn câu này là một đoạn nhỏ. Trong tâm của Bồ-tát thì chúng sanh và mình thật sự là không hai, không khác. Nhìn thấy chúng sanh chịu khổ, chịu nạn thì cũng như chính mình chịu khổ, chịu nạn vậy. Cho nên, *“chân tế phụ hà”*, tức là Bồ-tát có trách nhiệm và sứ mạng độ chúng sanh, là việc cần phải làm, là bốn phận của Bồ-tát. *“Giai độ bỉ ngạn”* là mục tiêu, giống như trong Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bốn Nguyên nói:

“Chúng sanh chưa thành Phật thì Bồ-tát thế
nguyên chưa thành Phật”, nhất định phải
giúp đỡ chúng sanh thành Phật trước. Có
hoảng nguyện vĩ đại như thế mới là giác ngộ
chân thật, giác ngộ triệt để.

***“Tất hoạch chư Phật vô lượng công
đức, trí huệ thánh minh bất khả tư nghị”.***

(Đều đạt được vô lượng công đức của chư
Phật, trí huệ sáng suốt không thể nghĩ bàn).

“Tất” là khiến mỗi chúng sanh đều có
được công đức viên mãn như Phật. Chúng
ta thường nói đến phước huệ. Khi chúng ta
thọ trì Tam Quy, chúng ta thường niệm
“quy y Phật nhị túc tôn”. “Nhị” là hai thứ,
“túc” nghĩa là đầy đủ viên mãn, trí huệ viên
mãn, phước đức viên mãn, hai thứ phước
huệ đều đầy đủ. Nói đến trí huệ và phước

đức thì chúng sanh chín pháp giới đều không thể sánh bằng Phật, cho dù là Đẳng Giác Bồ-tát thì phước huệ vẫn còn khiếm khuyết một phần, vẫn chưa viên mãn. Bởi vì Bồ-tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, đây là chỗ chưa viên mãn của phước đức trí huệ, nhất định phải chứng đến Phật quả viên mãn thì phước huệ mới viên mãn. Chỗ này nói chư Phật có vô lượng công đức, tức là phước huệ viên mãn. Địa vị chúng đắc bằng với chư Phật, “*trí huệ thánh minh bất khả tư nghị*”.

“*Như thị đẳng chư đại Bồ-tát, vô lượng vô biên, nhất thời lai tập*”.

(Vô lượng vô biên đại Bồ-tát như vậy đồng đến pháp hội).

Tất cả những vị Bồ-tát này không chỉ là của thế giới Ta-bà chúng ta, mà Bồ-tát ở thế giới phương khác càng nhiều hơn. Những đại Bồ-tát ở thế giới này và phương khác được nói ở phía trước, trí huệ đức năng của các Ngài đều ngang bằng với Phật, có bao nhiêu vị? Vô lượng vô biên. Lúc đó Thế Tôn vì chúng sanh mà tuyên giảng Kinh Vô Lượng Thọ, tuyên giảng pháp môn đệ nhất Thành Phật, các Ngài nhìn thấy, nghe thấy cho nên tất cả đều đến đạo tràng để tập hội. Phần kinh văn đến đây là tán thán và nói rõ trí huệ, đức năng của các đại Tỳ-kheo, đại Bồ-tát. Đến đây là một đoạn. Tiếp theo nói:

“Hựu hữu Tỳ-kheo-ni ngũ bá nhân”.

(Lại có năm trăm vị Tỳ-kheo-ni).

Trong pháp hội giảng kinh này của Phật có 500 nữ chúng xuất gia.

“Thanh tín sĩ thất thiên nhân”.

(Bảy ngàn vị Ưu-bà-tắc).

“Thanh tín sĩ” là người học Phật tại gia, chúng ta gọi là cư sĩ. Nam chúng tại gia, nam cư sĩ có bảy ngàn người, nữ cư sĩ cũng có năm trăm người. Như vậy Tỳ-kheo-ni và hai chúng tại gia nam nữ hợp lại là tám ngàn người. Phần trước chúng ta thấy chúng đại Tỳ-kheo tham gia pháp hội này là mười hai ngàn người cộng thêm tám ngàn người này nữa thì thính chúng tham gia pháp hội của Thích-ca Mâu-ni Phật có đến hai vạn người. Số Bồ-tát của thế giới này và phương khác thì không tính, con số đó là vô lượng vô biên. Mắt thịt của chúng ta có thể nhìn thấy

một số Bồ-tát, còn phần lớn thì mắt thịt của chúng ta không thể nhìn thấy được. Tuy nhiên, các Ngài đều đến tham dự đạo tràng này, pháp hội này. Đạo tràng của Thế Tôn trang nghiêm như vậy. Sau Thế Tôn, khi các đệ tử của Ngài giảng kinh thuyết pháp và nơi đạo tràng cộng tu của đại chúng thì những vị La-hán, Bồ-tát ở thế giới này và phương khác cũng thường đến tham dự những pháp hội này. Mắt thịt của chúng ta cũng không thể nhìn thấy được. Những người tham gia pháp hội này đều hiển bày sự trang nghiêm thù thắng không gì sánh bằng, khiến mỗi người chúng ta ở trong đạo tràng đều có thể pháp hỷ sung mãn. Dùng cách nói hiện nay thì người đời nay gọi là từ

trường. Từ trường này không giống nhau, có sự gia trì của chư Phật Bồ-tát.

Ngoài ra còn có thiên nhân, mắt thịt của chúng ta cũng không thể nhìn thấy được những người này. “*Dục Giới thiên*” có sáu tầng trời. “*Sắc Giới thiên*” có mười tám tầng trời. Vô Sắc Giới không kể, vì Vô Sắc Giới không có hình tướng. “*Chư thiên Phạm Chúng*”, “Phạm” là thanh tịnh. Tâm của thiên nhân là thanh tịnh nhất trong lục đạo, thanh tịnh hơn nhiều so với năm cõi khác.

“*Tất cộng đại hội*”.

(Đồng đến dự đại hội).

Phẩm kinh này, trong phần tựa vẫn là thuộc về thông tự. Từ điểm này chúng ta có thể thấy kinh văn của bộ kinh này không dài

lắm, nhưng phần tựa của nó rất dài, đích thực là cấu trúc của một bộ kinh lớn.

ĐẠI GIÁO DUYÊN KHỞI ĐỆ TAM PHẨM THỨ BA: ĐẠI GIÁO DUYÊN KHỞI

Phẩm này thuộc tựa riêng biệt (biệt tự), phần tựa của kinh này có ba phẩm. Trong phẩm kinh này, Như Lai phóng quang thị hiện tướng lành, Tôn giả A-nan nhìn thấy sanh khởi tâm vô cùng hoan hỷ, đến thỉnh pháp, Đức Thế Tôn đại từ đại bi vì Tôn Giả A-nan mà nói rõ sự việc này, và như vậy đã nói ra bộ Kinh Vô Lượng Thọ đệ nhất hy hữu, quảng đại viên mãn, trực tiếp tiện lợi và cứu cánh này. Đây là đem nhân duyên thuyết kinh đặt trọn trong phẩm kinh này.

Tựa kinh có ba phẩm, hai phẩm trước là **Thông Tụ**, phẩm này là **Biệt Tụ**. Mục đích là vì “*chánh tín*”, khiến chúng ta thật sự sanh khởi tín tâm không gì bằng đối với bộ kinh điển này, với Pháp môn này. Ngẫu Ích Đại Sư nói: “*Tín nguyện trì danh là ba điều kiện trọng yếu của việc tu Tịnh Độ, thiếu một cũng không được*”. Trong ba điều kiện này thì tín là điều kiện thứ nhất. Do đây có thể biết sự quan trọng của nó. Kinh văn trong bộ kinh này nói rất rõ, trong phẩm trước chúng ta đã đọc “*khai hóa hiển thị chân thật chi tế*”. “*Chân thật chi tế*” tức là điều trong Quán Kinh nói: “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*”. Cho nên bộ kinh điển này, Pháp môn này có thể tin tưởng, cần phải tin tưởng. Lý luận, y cứ của nó vô

cùng chân thật, không phải hư vọng. Tác dụng của bộ kinh này là dùng pháp bình đẳng để giác ngộ tất cả chúng sanh, cũng tức là nói Pháp môn khiến tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật. “Pháp” là phương pháp, “môn” là cửa vào, khiến tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật. Chúng sanh chín pháp giới thực tế là không bình đẳng, hướng lên trên là Bồ-tát, Duyên Giác, Thanh Văn (Duyên Giác tức là Bích-chi-Phật, Thanh Văn là A-la-hán), phía dưới là lục đạo chúng sanh. Làm sao mà bình đẳng được? Trên sự mà nói thì nhất định không bình đẳng, trên mặt lý mà nói cũng không thể bình đẳng. Tuy nhiên, Phật nói lý trong bộ kinh này không phải là lý bình thường, mà là lý của pháp tánh chân thật rất ráo viên

mãn. Pháp tánh là bình đẳng. Người học Phật chúng ta, ai cũng biết là từ trong cái lý này để khai hóa ra. Cho nên Pháp môn này thật sự là thù thắng đến chỗ cùng cực. Không gì có thể sánh bằng. Không một pháp môn nào có thể so sánh với nó. Nó thật sự bình đẳng thành tựu, không phải là sự thành tựu bình thường mà là sự thành tựu viên mãn rất ráo.

Trong kinh lại nói với chúng ta “*huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi*”, tức là Phật muốn đem lợi ích chân thật ban cho chúng ta, lợi ích chân thật này là gì? Đó là **Tín Nguyện Trì Danh**, là Phật phổ biến rộng lớn bình đẳng, không phân biệt ban cho tất cả chúng sanh. Chúng ta chỉ cần y cứ vào ba điều kiện này, thực tế mà nói, chúng sanh

chín pháp giới, người người đều có thể làm được ba điều kiện này. Hễ bạn chịu làm, chịu tin, chịu nguyện, chịu niệm Phật thì bạn sẽ bình đẳng được độ. Cho nên phương pháp tín nguyện trì danh là pháp bình đẳng. Chúng ta biết được 41 vị pháp thân Đại Sĩ của Hoa Tạng thế giới dùng phương pháp này để vãng sanh thế giới Tây Phương, thành Phật. Lục đạo phàm phu, thậm chí đến chúng sanh địa ngục nghe đến Pháp môn này mà có thể y giáo phụng hành thì cũng có thể vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc làm Phật. Đích thật là bình đẳng không thể nghĩ bàn. Cho nên Liên Trì Đại Sư nói: “*Việt tam kỳ u nhất niệm, tề chư Thánh u phiến ngôn*” (vượt ba a-tăng-kỳ kiếp trong một niệm, bằng với chư Thánh

trong một lời), “việt” là siêu việt, “tam kỳ” là ba đại a-tăng-kỳ kiếp, vượt qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp tu hành. Bồ-tát bình thường tu hành ba đại a-tăng-kỳ kiếp mới có thể thành Phật. Pháp môn này của chúng ta vừa niệm một câu Nam-mô A-di-đà Phật thì thành công rồi. Nói cách khác, một niệm này vượt qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp của họ, đây là nói về mặt thời gian.

“*Tê chư Thánh ư phiên dã*”, “Chư Thánh” nếu luận theo Viên Giáo thì Bồ-tát Viên Giáo có 51 cấp bậc: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác. Chúng ta có cần phải chứng đắc từng vị thứ hay không? Không cần. Chỉ một câu Nam-mô A-di-đà Phật là đốn siêu, trong khoảnh khắc thì thành Phật

rồi. Các Pháp môn thông thường phải chứng đắc từng vị thứ một. Giống như quý vị đến giảng đường này, giảng đường này ở tầng thứ năm, lầu năm. Các Pháp môn khác phải trèo cầu thang, bậc sau cao hơn bậc trước, trèo từ bậc thứ nhất cho đến lầu thượng. Pháp môn niệm Phật là đi bằng thang máy, không cần phải leo từng bậc thang, tích tắc là đến liền, điều này quý vị có thể dễ dàng lĩnh hội được. “Tề” là đẳng tề, cùng địa vị với các bậc đại Thánh Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền, chỉ dùng một câu Nam-mô A-di-đà Phật là bình đẳng với các Ngài rồi. Bởi thế Liên Trì Đại Sư tán thán điều này thật là kỳ diệu đến chỗ cùng cực, thật sự là không thể nghĩ bàn. Có thể nói chúng ta vô cùng may mắn. Ngày hôm nay, cơ

duyên đã thành thực rồi, duyên gì đây? Duyên làm Phật của chúng ta đã thành thực rồi, “thị tâm tác Phật” (tâm này làm Phật) rồi, nghe được bộ kinh điển cứu cánh viên mãn thành Phật này. Kinh điển này nói với chúng ta phương pháp thành Phật. Thật sự là một ngày hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay. Đây là câu nói của cư sĩ Bành Tế Thanh thời nhà Thanh. Ông cũng gặp được Pháp môn này mừng vui không thể tả nổi. Bây giờ chúng ta xem phần kinh văn.

“Nhĩ thời Thế Tôn uy quang hách diệc, như dung kim tụ, hựu như minh kính, ảnh sưởng biểu lý, hiện đại quang minh số thiên bá biến”.

(Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn hiện oai thần, quang minh rạng rỡ như ánh sáng của vàng

được nung chảy, lại như gương sáng, trong ngoài sáng tỏ, hiện quang minh lớn, biến hiện ra cả trăm ngàn thứ).

Đoạn này là Như Lai phóng quang, hiện ra tướng lành. Chỗ này chúng ta cần đặc biệt chú ý, trong mỗi chữ đều hàm chứa ý nghĩa rất sâu, rất rộng. “*Nhĩ thời*” là lúc mọi người hội tập, thực tế mà nói cũng là nhân duyên đã đến rồi, Phật thấy nhân duyên đã thành thực rồi nên Phật muốn tuyên nói Pháp môn này cho mọi người. Mọi người có thể tin, có thể hoan hỷ tiếp thọ, y giáo phụng hành tức là duyên đã thành thực rồi. Cho nên Phật vô cùng hoan hỷ, bốn nguyện của Phật là giúp đỡ chúng sanh thoát ly sinh tử luân hồi, viên thành Phật đạo. Hôm nay duyên đã thành thực rồi, vì sao mà không

hoan hỷ chứ? Niềm hoan hỷ này là lần hoan hỷ nhất trong 49 năm giảng kinh, thuyết pháp của Thế Tôn. Tâm hoan hỷ này đã đạt đến tột điểm nên xuất hiện tướng lành như vậy. “*Uy quang hách diệc*”, “*uy*” là oai đức, “*quang*” là quang minh. Người thế gian thường nói, người gặp việc vui tinh thần sáng khoái. Nếu một người có niềm vui rất lớn, khi việc vui đó đến, bạn xem, tinh thần của họ có vẻ khác, mặt mày rạng rỡ. Phật cũng như vậy, lần này Phật gặp được chuyện hoan hỷ như thế, cho nên hào quang không giống như lúc bình thường. Nét mặt của Ngài rất sáng, “*như dung kim tụ*”, câu này là tỉ dụ. Vàng đã đẹp lắm rồi, màu sắc óng ánh, đẹp biết bao. Nếu đem nung vàng với nhiệt độ cao cho chảy ra thì màu sắc đó

lại càng đẹp hơn, không những màu sắc đẹp mắt mà lại còn óng ánh, phóng ra kim sắc quang minh, đây là tỉ dụ cho vẻ hoan hỷ của Phật. Phật nguyên là thân kim sắc, “*như dung kim tụ*” ý nói thể tướng của Phật trang nghiêm đến cực độ.

“*Hựu như minh kính*”, đây cũng là tỉ dụ, như một tấm gương không nhiễm mảy trần. “*Quang minh biến chiếu*”, câu này tỉ dụ cho đức dụng của Phật, Ngài khởi tác dụng, đây là tướng của dụng. Câu trước là thể tướng, câu này là tác dụng. Tướng của dụng bình thường đều không hề thấy qua, hôm nay hiển thị vô cùng đặc thù. “*Ảnh sớng biểu lý*”, câu này là nói thể dụng của Ngài như như. “*Ảnh*” là ảnh tượng, “*sớng*” là không có ngăn cách, trong ngoài nhất như.

“*Hiện đại quang minh, số thiên bá biến*”, đây là sự biểu hiện đại dụng cụ thể. Hiện đại quang minh, trong đại kinh thường nói: “nhất chân pháp giới, số thiên bá biến”, tức là nói thập pháp giới đều từ trong ánh oai quang rực rỡ của Phật hiển hiện ra. Đây là ý nghĩa mà nó biểu đạt, Phật thị hiện như vậy là toàn thể của Phật Pháp, là hết thảy Pháp mà tất cả chư Phật thuyết cho chúng sanh, chính là chân tướng sự thật này. Hôm nay, chân tướng sự thật này, Phật không nói một lời, từ hào quang nơi thân Ngài, đều hiển lộ không sót. Đây là đức tướng viên mãn. Tôn giả A-nan là thị giả của Thích-ca Mâu-ni Phật, ngày ngày đều đi theo Phật, chưa bao giờ rời xa. Tôn giả A-nan trước đây chưa từng thấy, chưa bao giờ thấy

tướng hảo trang nghiêm như hôm nay. Cho nên, Ngài cảm thấy vô cùng kỳ lạ, hy hữu, đặc thù.

“Tôn giả A-nan, tức tự tư duy: “Kim nhật Thế Tôn, sắc thân chư căn, duyệt dự thanh tịnh, quang nhan nguy nguy, bảo sát trang nghiêm, từng tích dĩ lai, sở vị tăng kiến””.

(Tôn giả A-nan liền tự suy nghĩ: “Hôm nay sắc thân, các căn của Thế Tôn vui sướng thanh tịnh, dung nhan rực rỡ tối thắng, hiện ra các cõi báu trang nghiêm, từ trước đến nay ta chưa từng thấy”).

Ngài A-nan nói: Ngài từ trước đến nay chưa từng thấy, Phật hôm nay hiện ra tướng hảo như vậy, vui mừng như vậy. Chúng ta không thể hàm hồ lướt qua đoạn kinh văn

này, trong đó hàm ý rất sâu. Sắc thân chư căn, “*chư căn*” là nói sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. “*Duyệt*” là khoái lạc, hỷ duyệt. “*Duyệt dự thanh tịnh*” (vui sướng thanh tịnh), người thế gian chúng ta khi vui mừng thì tâm họ không thanh tịnh cho nên không thể “*ảnh sáng biểu lý*”. Tâm của Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ-tát rất thanh tịnh, các Ngài không vui mừng thì sắc tướng này không hiện ra. “*Quang nhan nguy nguy*”, “*quang*” là quang minh, “*nhan*” là dung mạo, nguy nguy là dáng vóc cao vợi, đây là hình dung, là tán thán. “*Bảo sát trang nghiêm*”, câu này là tán thán. “*Hiện đại quang minh, số thiên bá biến*”, tức là y chánh trang nghiêm của mười phương cõi Phật đều từ nơi quang

minh của Phật hiển hiển ra, là tán thán điều này. Đây là Thế Tôn nhìn thấy duyên của chúng sanh đã thành thực, trong tâm niệm A-di-đà Phật. Tất cả chư Phật thấy đều bội phục, đều tôn kính, đều tán thán chỗ thành tựu hạnh nguyện củA-di-đà. Đây là niệm Phật, Phật niệm Phật được oai thần bốn nguyện Di-đà gia trì, Phật cũng gia trì Phật. Phật đương nhiên hộ niệm Phật, không những là Di-đà gia trì Thế Tôn mà mười phương tất cả chư Phật Như Lai ngay lúc này đều gia trì Thích-ca Mâu-ni Phật, cho nên Thích-ca Mâu-ni Phật hiển lộ sắc tướng như vậy, thật là không gì thù thắng bằng. Đồng thời, lại niệm tất cả chúng sanh, cơ duyên thành Phật đã thành thực rồi, phải nên tuyên nói Pháp môn này. Chúng sanh hoan

hỷ được độ. Cho nên hôm nay, Phật hiện tướng này vô cùng kỳ dị đặc thù. Tôn giả A-nan cảm thán rằng mình xưa nay chưa từng thấy qua. Do đây có thể biết hào quang nơi thân Phật, hào quang nơi mặt Phật hiện nhất chân pháp giới, thập pháp giới y chánh trang nghiêm, đích thực là vô cùng hy hữu.

“Hỷ đặc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm”.

(Mừng rằng được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu).

Đây là cảm tưởng của Ngài A-nan lúc nhìn thấy Thế Tôn phóng quang, hiện tướng lành. Phật hiện tướng tuyệt đối không phải là ngẫu nhiên, nhất định là có dụng ý rất sâu, khiến cho Ngài A-nan phải hỏi.

“Tức tùng tòa khởi, thiên đàn hữu kiên, trường quy hiệp chưởng”.

(Liên từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai hữu, quỳ gối chấp tay).

Đây là lễ tiết, thỉnh pháp với Phật, nhất định phải hành lễ trước. Ngài vốn là ngồi ở chỗ của mình nghe kinh, ngay lúc này Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật lễ bái để thỉnh pháp. “*Thiên đàn hữu kiên*”, là sự lễ kính nhất, cách thức của nước Ấn Độ là như vậy. Trong nghi lễ tế tự cổ xưa của chúng ta thì tế lễ là nghi lễ quan trọng nhất, dân gian thường gọi là tế tổ tiên. Quốc vương, đại thần còn phải tế trời đất, thần núi sông nữa. Sự tế lễ này không phải do người dân bình thường tế lễ, người dân bình thường là tế tổ tiên. Trong phần lễ nghi thì

đây là lễ tiết long trọng nhất, cũng *thiên đản hữu kiên*, nghĩa là để lộ vai bên phải ra, vì sao? Trong lúc hành lễ, nếu được sai bảo đi làm việc gì thì động tác của bạn phải rất nhanh, rất nhạy bén, là ý nghĩa như vậy. Trong lúc đệ tử hành lễ với Phật, đôi khi Phật bảo họ đi làm việc, động tác của họ phải rất nhanh, rất tiện lợi. Cho nên trong lúc hành lễ phải lộ vai bên phải ra để bày tỏ sự tình nguyện phụng sự sư trưởng, lúc nào cũng sẵn sàng nghe lệnh sai khiến của sư trưởng, vui vẻ vì Ngài mà phục vụ, là ý nghĩa này.

“*Thiên đản hữu kiên, trường quy hiệp chưởng*”, “*trường quy*”, nếu quý vị nhìn kỹ, đại khái giống trong bức bích họa Đôn Hoàng. Quý vị có thể nhìn thấy chỉ quý một

chân, đầu gối bên trái quỳ xuống, đầu gối bên phải không quỳ. Đây cũng là lễ tiết bày tỏ Phật muốn sai bảo chúng ta làm việc, đứng dậy dễ dàng, động tác nhanh nhẹn, là ý nghĩa sẵn sàng nghe lệnh để phục vụ. “*Hiệp chưởng*” bày tỏ sự cung kính nhất tâm. Bình thường, cái tâm này hay tán loạn, có vọng tưởng tạp niệm. Mười đầu ngón tay biểu thị vọng tưởng tạp niệm, “*hiệp chưởng*” là đem nó hợp lại thành một, bày tỏ sự nhất tâm, cho nên tất cả vọng tưởng, tạp niệm đều buông xả hết, chuyên tâm nghe thầy sai bảo. Cho nên “*hiệp chưởng*” mang ý nghĩa bày tỏ sự tôn kính nhất tâm.

“*Nhi bạch Phật ngôn*”.

(Bạch Đức Phật rằng).

“*Bạch*” là người dưới đối với người trên, là ngôn từ cung kính.

“Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định, trụ kỳ đặc pháp, trụ chư Phật sở trụ, đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo. Khứ lai hiện tại Phật Phật tương niệm. Vi niệm quá khứ vị lai chư Phật da? Vi niệm hiện tại tha phương chư Phật da? Hà cố uy thần hiển diệu, quang thụy thù diệu nãi nhĩ, nguyện vị tuyên thuyết”.

(Hôm nay Thế Tôn vào đại tịch định, an trụ trong pháp đặc biệt, trụ hạnh Đạo sư của chư Phật trụ, là đạo tối thắng. Quá hiện vị lai, Phật Phật nhớ nhau. Thế Tôn là nhớ chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai hay nhớ chư Phật hiện tại phương khác? Vì sao lại hiện oai thần sáng đẹp, hào quang tốt lành, tuyệt

điều đến như vậy, cúi xin Đức Thế Tôn chỉ dạy).

Trong đoạn này, chúng ta thấy những câu Tôn giả A-nan nói là sự phán đoán của Ngài, chắc chắn Ngài đã theo hầu Phật một thời gian khá dài nên Tôn giả A-nan có thể dự liệu được một số động tác của Phật. Tướng vì sao lại tốt đẹp như vậy? Quý vị nên biết, người thế tục thường nói tướng do tâm chuyển. Người coi tướng số cũng nói tướng do tâm chuyển. Nói cách khác, người có tâm tốt thì tướng của họ sẽ rất tốt. Một người rất từ bi thì tướng đó có dáng vẻ của từ bi. Nếu tâm người xảo quyết gian trá thì tướng đó là bất thiện, nhìn thấy sẽ sợ hãi. Điều này nói rõ, tướng đích thật là từ tâm mà chuyển.

Bởi thế, người xưa nói: “Tướng mạo con người sau 40 tuổi phải do chính mình chịu trách nhiệm. Tướng mạo trước năm 40 tuổi, thế gian chúng ta gọi là do cha mẹ di truyền”. Kỳ thật, câu nói này theo nhà Phật thì giảng không thông. Trong nhà Phật nói: “Tướng mạo của bạn thay đổi như thế nào là do bạn lúc đầu thai, bạn với cha mẹ có duyên, không có duyên sẽ không đến đầu thai, có duyên gặp được thì sanh tâm hoan hỷ, ưa thích cha mẹ, ưa thích tướng mạo của cha mẹ”. Bạn xem, tướng mạo đó chẳng phải là duy tâm sở biến sao? Cho nên tướng mạo đứa bé vừa sanh ra rất giống cha mẹ là do lúc đầu thai tâm chúng tưởng mà sanh ra, sự việc là như vậy. Không phải do di truyền, không phải cha mẹ có tướng gì thì trẻ có

tướng đó, mà là do tâm của đứa bé ưa thích tướng của cha mẹ nên lấy cái tướng đó. Sau khi ra đời, trong 40 năm thì đối với cha mẹ lãnh đạm dần. Điều này chúng ta có thể hiểu được, trẻ nhỏ bám theo cha mẹ quấn quýt không rời. Sau khi trưởng thành, tâm luyện ái của nam nữ, tâm yêu sự nghiệp sanh khởi thì tâm đối với cha mẹ sẽ lợt lạt đi. Do đó, sau 40 tuổi tướng mạo của nó sẽ thay đổi. Cho nên tướng mạo của một người lúc thiếu niên, lúc tráng niên, lúc tuổi già có thể biến đổi, biến đổi thế nào? Tâm biến. Nếu được sự giáo dục tốt, con người tâm địa đoan chánh, thiện lành thì tướng mạo của họ sẽ biến thành rất đoan trang, rất từ bi. Cho nên nói sau 40 tuổi, tướng mạo phải do chính mình chịu trách nhiệm.

Hôm nay Thế Tôn hiện tướng thù thắng không gì sánh bằng thì tâm này cũng là thù thắng đệ nhất không gì sánh bằng. Vì sao? Phật đều niệm Phật, niệm A-di-đà Phật, niệm tất cả chư Phật. Đây không phải là sự trang nghiêm của một vị Phật, mà là hết thảy sự trang nghiêm của vô lượng chư Phật đều tập trung vào sắc tướng của Phật mà hiển hiện ra. Điều này đương nhiên rất hy hữu. Cho nên khi A-nan tán thán “*Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định*”, “tịch định” là thọ dụng, là hưởng thụ. “*Đại tịch định*” này là gì? Là niệm Phật Tam-muội. Hôm nay, Phật nhập niệm Phật Tam-muội.

“*Trụ kỳ đặc pháp*”, “kỳ” là hiếm lạ, “*đặc thắng*” là thù thắng không gì sánh bằng. Nghĩa là sẽ đem Pháp môn bình đẳng thành

Phật tuyên bố cho tất cả chúng sanh, trong tâm Phật chuẩn bị như vậy, đây tức là “*trụ kỳ đặc pháp*”. “*Trụ chư Phật sở trụ*”, Pháp môn niệm Phật là Pháp môn đệ nhất mà mười phương ba đời tất cả chư Phật dùng để độ chúng sanh thành Phật đạo, đây là “*trụ chư Phật sở trụ*”.

“*Đạo sư chi hạnh*”, “*đạo*” là dẫn đường, dẫn đường tất cả chúng sanh ngay trong đời này bình đẳng thành Phật.

“*Tối thắng chi đạo*”, “*đạo*” là con đường, cũng chính là phương pháp tu hành chứng quả, “*tối thắng*” tức là tối thù thắng. Đương nhiên đây là chỉ cho Pháp môn niệm Phật. Pháp môn niệm Phật là chỗ tu của tất cả chư Phật, chỗ hoằng dương của tất cả chư Phật. Hôm nay, Thế Tôn niệm những gì Di-

đà niệm, hành những gì Di-đà hành, cảm ứng đạo giao với A-di-đà Phật, với tất cả chư Phật. “*Khứ lai hiện tại*”, “*khứ*” là quá khứ, “*lai*” là vị lai, hiện tại, đây là nói ba đời chư Phật. Phật Phật đều niệm lẫn nhau, Phật Phật đều niệm Phật, Phật Phật niệm lẫn nhau, hầu như không một vị Phật nào không niệm A-di-đà Phật, tất cả chư Phật đều cùng niệm A-di-đà Phật. Phật mà còn niệm Phật huông hồ là chúng ta.

“*Vi niệm quá khứ vị lai chư Phật da?*”, thực tế là “Phật Phật đạo đồng”. Trong đại kinh, chúng ta thường thấy “*thập phương nhất thiết Phật, cộng đồng nhất pháp thân*” (tất cả chư Phật trong mười phương cùng đồng một pháp thân), “*sinh Phật bất nhị, sinh Phật nhất thể*” (chúng sanh và Phật

không hai, chúng sanh và Phật là một thể). Trong kinh Hoa Nghiêm nói rằng: “*Tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí*” (các loài hữu tình hay vô tình đều có chung chủng trí - bản thể sáng suốt thanh tịnh). Đây chính là nói rõ tất cả vạn pháp thể dụng nhất như, cho nên Phật niệm Phật là điều rất bình thường, pháp vốn như vậy. Điều này quả thật A-nan đã đoán trúng. Thế Tôn hôm nay niệm Phật, tuy nhiên A-nan không biết Thế Tôn niệm vị Phật nào, Ngài không biết cho nên mới đặt ra câu hỏi này.

“*Hà cố oai thân hiển diệu*”, là oai đức thân minh của Phật.

“*Quang thụy thù diệu nãi nhĩ*”, “*nãi nhĩ*” là như tướng lành hiện đang hiển thị.

“*Nguyện vị tuyên thuyết*”, đây là lời thỉnh pháp. Không những Tôn giả A-nan mong Phật thuyết minh cặn kẽ cho Ngài mà mọi người dự hội chẳng một ai không có nguyện vọng này, là cầu Phật khai thị. Đến đoạn này là Tôn giả A-nan thỉnh pháp, Phật vô cùng từ bi, hữu cầu tất ứng. A-nan khái thỉnh, làm gì có đạo lý không nói chứ, không khái thỉnh cũng phải nói, huống hồ A-nan đứng ra khái thỉnh.

“*Ư thị Thế Tôn cáo A-nan ngôn: “Thiện tai, thiện tai”*”.

(Bấy giờ Đức Phật bảo tôn giả A-nan: “Lành thay! Lành thay!”).

Trước khi thuyết minh, Thế Tôn tán thán câu hỏi của Tôn giả A-nan, “*Thiện tai, thiện tai*” hai lần, “*thiện tai*” này có ý nghĩa rất

sâu. “*Thiện tai, thiện tai!*”, dùng cách nói của thời nay là rất hay! rất hay! Câu hỏi đó rất hay. Ý nghĩa thứ nhất là *xưng cơ*: Ông hỏi thật đúng lúc, cơ hội thành Phật của tất cả mọi người thành thực rồi, ông đã hỏi thì ta phải nói ra phương pháp bình đẳng thành Phật. Cho nên Phật khen Ngài A-nan rằng: “Ông hỏi thật rất hay! Rất hay!”. Ý nghĩa thứ hai là gì? Là sự cảm thọ của chính Phật, thọ dụng của Phật. Phật hôm nay thật là hoan hỷ, lúc nào Phật cũng muốn tuyên nói Pháp môn này nhưng cơ duyên chưa thành thực nên Phật mỗi ngày đều chờ đợi, quả thật chờ được rồi. Hôm nay duyên đã thành thực rồi. Điều này vui mừng biết chừng nào. Dem pháp môn mà Phật ấp ủ trong tâm bấy lâu nay muốn nói ra, hôm nay được thổ lộ

ra cho mọi người, xứng với bản hoài của Phật, đây thật là vui mừng không gì sánh bằng. Cho nên tán thán “Thiện tai! Thiện tai!”. Đây cũng là điều đáng để chúng ta học tập. Chúng ta phải hướng về Ngài A-nan mà học tập.

“Nhữ vị ai mãn lợi lạc chư chúng sanh cố, năng vấn như thị vi diệu chi nghĩa”.

(Ông vì thương xót, muốn làm lợi lạc cho các chúng sanh, mới hỏi điều vi diệu như vậy).

Câu này của Thế Tôn, thực tế mà nói, cũng vì chúng ta mà thổ lộ ra một chút tin tức. Ngài A-nan không phải người thường, trong pháp hội, Ngài thị hiện làm đệ tử của Phật, chứng quả vị không cao, chỉ chứng địa vị Sơ Quả Tu-đà-hoàn. Trong kinh Lăng-

nghiêm chúng ta thấy Ngài chỉ chứng đắc quả vị Tu-đà-hoàn, là Sơ Quả Tiểu Thừa, trên thực tế thì sao? Tôn giả A-nan cũng là Đẳng Giác Bồ-tát tái lai, không phải là người thường, không khác với Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền. Lần này lên đài biểu diễn, vai diễn của Ngài được phân làm thị giả của Thích-ca Mâu-ni Phật. Trên sân khấu Ngài biểu diễn thân phận này, còn phía sau sân khấu Ngài là đại Bồ-tát đến để diễn vở tuồng này, thật là một Phật xuất thế, ngàn Phật ủng hộ. Những vị đệ tử này của Phật đều không phải là người bình thường. Việc này Phật đã tiết lộ tin tức cho chúng ta rồi, ông đến hỏi câu này là vì: “*ai mãi lợi lạc chư chúng sanh*”. “*Chư chúng sanh*” này đặc biệt chỉ lục đạo chúng sanh, lục đạo

chúng sanh quá khổ, sanh tử luân hồi, khổ nạn vô biên. Ông phát khởi lòng đại từ bi thương xót họ, ông vì họ mà thỉnh pháp, “*năng vấn như thị vi diệu chi nghĩa*”. Câu “*như thị vi diệu chi nghĩa*” là chỉ cho bộ kinh Vô Lượng Thọ này, [bộ kinh] mà Phật muốn tuyên giảng cho chúng ta, công đức mà ông hỏi thật rất lớn. Câu hỏi của ông đã hỏi ra bộ kinh Vô Lượng Thọ, hỏi ra Pháp môn chúng sanh bình đẳng thành Phật, công đức này thật rất lớn.

“*Nhữ kim tư vấn*”.

(Lời thưa hỏi của ông hôm nay).

Hôm nay ông hỏi câu này, nêu ra vấn đề này.

“*Thẳng ư cúng dường nhất thiên hạ A-la-hán, Bích-chi-Phật*”.

(Thù thắng hơn cúng dường các bậc A-la-hán, Bích-chi-Phật trong một thiên hạ).

“Thắng” là vượt qua, thù thắng hơn cúng dường “*nhất thiên hạ*”, chữ “*nhất thiên hạ*” này giảng như thế nào? Phật nói với chúng ta, thế giới mà chúng ta đang ở là lấy núi Tu-di làm trung tâm. Đỉnh núi Tu-di là trời Đao-lợi, là chỗ ở của Đao-lợi Thiên Chủ. Bốn mặt xung quanh lưng chừng núi Tu-di là chỗ ở của Tứ Đại Thiên Vương. Nơi chúng ta ở gọi là tiểu châu, là một tiểu tinh cầu xoay vòng theo trung tâm. “*Nhất thiên hạ*” tức là một phần tư của toàn thể đại vũ trụ, số lượng này thật rất nhiều. Phật nói về đơn vị thế giới này, trước đây chúng ta cứ ngỡ là thái dương hệ. Phía sau phần chú giải Kinh Vô Lượng Thọ lão cư sĩ Hoàng Niệm

Tổ có một bài văn, tôi đã bổ sung ở phía sau. Đây là cách nhìn của ông, ông đã đưa ra ý kiến này. Phật trong kinh nói đến đơn vị thế giới này không phải là thái dương hệ, vì sao? Phật nói rất rõ: Mặt trời, mặt trăng đều quay vòng theo núi Tu-di, như vậy thì mặt trời đương nhiên không thể xem là trung tâm được. Nếu theo cách nói này thì có thể nói được viên mãn hơn, chính là ngày nay chúng ta gọi là hệ Ngân Hà. Đích thực mặt trời của chúng ta xoay vòng quanh trung tâm của hệ Ngân Hà. Người Trung Quốc gọi trung tâm hệ Ngân Hà là Hoàng Cực. Trái đất này có nam cực, bắc cực. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cho rằng đó mới là núi Tu-di, theo cách nói như vậy thì phạm vi sẽ rất lớn. “*Nhất tứ thiên hạ*” chính là một hệ

ngân hà, còn *Nhất thiên hạ* này chính là một phần tư hệ Ngân Hà. Quý vị thử nghĩ xem, phạm vi này lớn biết chừng nào. Hệ ngân hà trong kinh nói chỉ là con số đại khái, không phải là con số chính xác, 100 ức thái dương hệ, một phần tư của 100 ức thái dương hệ là 25 ức thái dương hệ, con số lớn như vậy.

A-la-hán, Bích-chi-Phật đều là những người chứng quả Tiểu Thừa, cúng dường các bậc Thánh của Tứ Quả trở lên thì phước báo đó thật rất lớn. Cúng dường không phải một lần, không phải một ngày, không phải cúng dường một năm, mà là “*bồ thí lũy kiếp*” (nhiều kiếp bồ thí), mỗi ngày cúng dường, tích lũy một kiếp, hai kiếp, lũy kiếp... Phước báo của người đã tu, chúng ta thật vô phương tưởng tượng, chỉ có thể

dùng bốn chữ không thể nghĩ bàn để hình dung mà thôi. Đây là cúng dường các bậc Thánh, phần sau vẫn còn có “*chư Thiên nhân dân*” (các trời, người), đây thì lại càng nhiều hơn nữa, “*quyên phi nhuyển động chi loại*” (các loài bò bay máy cưa). Như thế, một câu này đã bao hàm hết lục đạo chúng sanh rồi. Trong chín pháp giới, ngoài Bồ-tát ra, còn tám pháp giới, Duyên giác, Thanh Văn, phía dưới là lục đạo. Đối tượng bố thí nhiều kiếp là tám pháp giới.

“*Công đức bá thiên vạn bội*”.

(Công đức hơn trăm ngàn vạn lần).

Câu hỏi của ông vừa hỏi, so với một người tu những công đức như trên thì công đức của ông so với họ tội hơn trăm lần, ngàn lần, vạn lần.

Đoạn này, quý vị phải nghe cho thật kỹ, nghiền ngẫm cho thật kỹ thì mới có thể đạt được gần giống cảnh giới đó, bởi vì cảnh giới quá lớn. Chúng ta có thể tin được không? Phật biết chúng ta không thể tin nên lại đem đạo lý này tuyên nói với chúng ta.

“*Hà dĩ cố*” là vì sao vậy? Vì sao công đức của câu hỏi này lại lớn như vậy?

“*Đương lai chư Thiên nhân dân, nhất thiết hàm linh, giai nhân nhữ vãn, nhi đắc độ thoát cố*”.

(Các trời, người và tất cả hàm linh đời sau đều nhân lời hỏi của ông hôm nay mà được độ thoát).

Phật đã nói ra đạo lý này, đây là sự thật, công đức này quả thật vượt hơn công đức bố thí cúng dường của người mà đoạn trên

đã nói, đương nhiên không thể bị được. Vì câu hỏi của A-nan mà Phật nói ra Pháp môn này. “*Đương lai*” là tương lai, “*chư Thiên nhân dân*”, là chỉ cho lục đạo chúng sanh. Trong lục đạo, “*nhất thiết hàm linh*” là tất cả chúng sanh hữu tình, nếu họ nghe đến Pháp môn này thì không một người nào mà không được độ, y theo Pháp môn này tu học thì vĩnh viễn thoát luân hồi, vãng sanh bất thoái thành Phật, một đời được thành tựu. Công đức như thế, đương nhiên người Bồ thí trong nhiều kiếp được nói ở phần trên không thể sánh bằng. Đoạn này giống với câu “*nhất thiết cúng dường trung, pháp cúng dường tối*” (trong tất cả cúng dường thì cúng dường pháp là thù thắng nhất) mà Phổ Hiền nói trong phần Quảng Tu Cúng

Dường của phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Cúng dường tài vô lượng vô biên đều không lớn bằng công đức cúng dường pháp, là cùng một đạo lý. Cho nên chúng ta muốn tích lũy công đức, tu phước đức chân thật thì phải biết bố thí, biết cúng dường, đặc biệt là phải biết bố thí pháp, cúng dường pháp. Công đức này là vô lượng vô biên.

Phần sau vẫn là Thế Tôn tán thán Ngài A-nan. Đây là gọi *A-nan*, trong kinh hễ Phật gọi tên của người nào thì phần khai thị sau đó nhất định rất quan trọng. Gọi đến tên là đánh thức Ngài, bảo Ngài đặc biệt chú ý. Chúng ta thấy trong kinh có danh từ này thì chúng ta phải đặc biệt đề cao cảnh giác.

“A-nan! Như Lai dĩ vô tận đại bi, càng ai tam giới, sở dĩ xuất hưng ư thế. Quang

xiển đạo giáo, dục chấn quân mạnh, huệ dĩ chân thật chi lợi, nan trị nan kiến, như Ưu-đàm hoa, hy hữu xuất hiện. Nhữ kim sở vấn, đa sở nhiều ích”.

(Này A-nan! Như Lai vì lòng đại bi vô tận, thương xót ba cõi nên xuất hiện ở đời, tuyên dương giáo pháp là muốn cứu bạt quân mạnh, ban cho lợi ích chân thật, khó gặp khó thấy, như hoa Ưu-đàm hiếm khi xuất hiện. Lời hỏi hôm nay của ông có lợi ích rất lớn).

Đoạn này là chính Phật nói ra ý nghĩa bản hoài xuất thế của Phật. Vì sao Phật lại đến thế giới này? Xuất hiện ở thế gian này để làm gì? Nếu chúng ta thường xuyên tự hỏi mình thì chúng ta sẽ khai ngộ, có mấy ai thường tự hỏi vì sao ta đến thế gian này? Ta

đến thế gian này để làm gì? Quý vị đồng tu có khi nào tự hỏi không? Nếu thường xuyên đặt vấn đề này thì dù ở thế giới phồn hoa này cũng không dễ bị mê hoặc. Đời nhà Đường, Trí giả Đại Sư nói: “*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di-đà bốn nguyện hải*” (sở dĩ đức Như Lai xuất hiện ở thế gian chỉ vì muốn nói biển bốn nguyện của Phật Di-đà), câu nói này của Ngài là từ đoạn kinh văn này mà ra. Phật vì sao lại xuất hiện tại thế gian? Vì muốn nói rõ cho chúng ta Pháp môn vãng sanh bất thoái thành Phật. Đã vì điều này, vậy sao Phật không sớm nói ra, lại phải nói nhiều kinh điển như thế? Đây là đạo lý gì vậy? Là vì cơ duyên chưa thành thực, vì khi Phật nói ra, mọi người không tin, mọi người không nghe thì không còn

cách gì nữa. Cho nên Phật nhất định phải chờ cơ duyên, đợi đến khi duyên thành thực, mọi người có thể tin, có thể tiếp nhận, chịu phát nguyện tu hành thì lúc này Phật mới nói ra. Cho nên chỗ này Phật rất cảm khái mà nói rằng: “*Như Lai lấy lòng đại bi vô tận*”. “Đại từ bi” là từ bi bình đẳng, từ bi không bình đẳng thì không gọi là đại từ bi. Lòng từ bi không có phân biệt, không có giới hạn thì gọi là từ bi bình đẳng. Phật là đại từ đại bi vô tận.

“*Cãng ai tam giới*”, “tam giới” tức là lục đạo, “tam giới” là nói Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới. Trong Dục giới có trời Dục giới, a-tu-la, người, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh. Những cõi này đều ở trong Dục giới. Sắc giới là thiên nhân, Vô Sắc giới cũng là

thiên nhân. Cho nên nói tam giới chính là lục đạo. Phật thương xót lục đạo chúng sanh. Cõi trời không cứu cánh, cho dù sanh lên Vô Sắc giới Phi Tướng Phi Phi Tướng thiên, thọ mạng tám vạn đại kiếp, nhưng khi thời gian đến, họ mất đi định lực thì vẫn phải đọa lạc trở xuống. Bởi vì phía trên không còn nữa, đương nhiên phải đọa lạc trở xuống, cho nên không cứu cánh. Nói cách khác, vẫn phải chịu khổ luân hồi. Điều này Phật đã giảng vô cùng tường tận trong các kinh điển Đại Thừa. Phật vì thương xót phàm phu trong lục đạo cho nên xuất hiện ở thế gian. Trong phàm phu có người thông minh, không phải không có. Ai là người thông minh? Biết thế gian là khổ, rất muốn ra khỏi luân hồi, nhưng lại không có phương

pháp. Thời xưa, ở Ấn Độ cổ xưa, lịch sử của chúng ta gọi là quốc gia của tôn giáo, tôn giáo ở Ấn Độ thời xưa là phát triển nhất. Lúc Thế Tôn còn tại thế, ở Ấn Độ có 96 tôn giáo nổi tiếng. Những người này đều là người thông minh, đều muốn liễu thoát sinh tử luân hồi. Đại đa số các tôn giáo nghĩ rằng trời là cứu cánh, sanh lên thiên đường có lẽ không còn chuyện gì nữa, sẽ không còn sanh tử, sẽ không còn khổ não, coi trời như là cứu cánh. Thế nhưng trời có rất nhiều tầng bậc khác nhau. Phật nói trời có 28 tầng. Có một số tôn giáo lấy mục tiêu là trời Đạo-lợi, một số tôn giáo là trời Sắc Giới, một số tôn giáo là trời Đại Phạm. Cho thấy trí huệ và công phu của họ đích thực có cao thấp bất đồng. Cho dù đến được trời Phi Phi

Tưởng là tầng cao nhất nhưng vẫn không cứu cánh. Phật vì những chúng sanh này mà xuất hiện ở thế gian. Bạn có chí muốn ra khỏi tam giới thì Phật đến giúp đỡ bạn ra khỏi tam giới, đây là lý do duy nhất mà Phật xuất hiện tại thế gian.

“*Quang*” là trí huệ, “*xiển*” là xiển dương, Phật dùng trí huệ chân thật nói rõ cho chúng ta biết chân tướng sự thật này, chân tướng của lục đạo luân hồi, chân tướng của thập pháp giới. Chữ “*đạo*” này là chân tướng, “*giáo*” là giáo học, giáo hóa. Đem những đạo lý, những chân tướng sự thật này chỉ dạy cho chúng ta.

“*Dục chân quân manh*” là chân tế chúng sanh, “*manh*” là chúng sanh mê hoặc điên đảo, muốn thoát ly mà không có phương

pháp, những người này là đối tượng chỉ dạy của Phật. Bởi vì họ đã giác ngộ được thế gian là khổ, đã biết được cái khổ của luân hồi, tâm luôn muốn rời khỏi. Phật xuất hiện là muốn độ họ.

“Huệ dĩ chân thật chi lợi”, lợi ích chân thật nhất, nhất định là không quanh co, vòng vo. Điều mà hôm nay Phật nói với chúng ta là con đường thành Phật trực tiếp, vững vàng, nhanh chóng, rốt ráo, viên mãn. Lợi ích chân thật này chính là chỉ **Tịnh Độ tam kinh**. Quý vị phải hiểu Tịnh Độ tam kinh chính là lợi ích chân thật. Nếu đem quy nạp lợi ích chân thật này lại thì chính là sáu chữ hồng danh, phạm Thánh chín giới bình đẳng cùng tu, bình đẳng thành tựu. Tính chất của

tam kinh, người niệm Phật chúng ta không thể không biết.

Kinh Vô Lượng Thọ là khái luận của Tịnh Tông, nói cho chúng ta biết chân tướng của vũ trụ nhân sinh, nói rõ y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Còn **Kinh Quán Vô Lượng Thọ**, Phật nói cho chúng ta về nguyên lý, lý luận, phương pháp tu hành của Tịnh Tông: Quán tưởng niệm Phật, quán tượng niệm Phật, trì danh niệm Phật đều nằm trong mười sáu phép quán. Cho nên đây là dạy cho chúng ta phương pháp. Đặc biệt trước khi áp dụng phương pháp thì phải đặt nền tảng tu học. Nền tảng là Tam Phước, Lục Hòa. Từ nền tảng này mà tu Pháp môn niệm Phật, bạn

dùng quán tưởng, quán tượng, trì danh đều có thể được, mà trì danh là tiện lợi nhất.

Trong tam kinh thì Kinh A-di-đà được nói sau cùng. Nội dung của **Kinh A-di-đà** là Thế Tôn tận tình khuyên dạy chúng ta nên cầu sanh thế giới Cực Lạc. Trong kinh này đã bốn lần khuyên nhủ, khuyên chúng ta phải tin, phải phát nguyện, phải niệm Phật.

Ba bộ kinh này là cùng một hệ thống, phân lượng của tam kinh không dài, là kinh điển viên mãn của Tịnh Tông, là chỗ nương tựa chân chánh, là lợi ích chân thật của người niệm Phật chúng ta.

“*Nan trì nan kiến*”, “*trị*” là gặp được, quả thật là không dễ gặp được, không dễ thấy được. Kinh điển này từ xưa đến nay số lượng lưu thông không lớn. Cư sĩ Mai

Quang Hy đã nói rất tỉ mỉ nguyên nhân này trong phần tựa của bộ kinh này, quý vị xem sẽ hiểu ngay. Những năm gần đây, chúng ta nhờ sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, việc lưu thông tuy thù thắng hơn nhiều so với trước kia nhưng trong toàn thể Phật môn, số người tu hành nghe được bộ kinh này mà hoan hỷ tín thọ, y giáo phụng hành vẫn chỉ là thiểu số, nguyên nhân gì vậy? Nhất định phải là cơ hội thành Phật đã thành thực thì họ gặp được mới sanh tâm hoan hỷ, nếu cơ duyên thành Phật vẫn chưa thành thực thì cho dù họ có gặp cũng rất khó sanh khởi tâm hoan hỷ. Trong số đông đảo chúng sanh có được mấy người muốn ngay trong đời này thành Phật. Quý vị hãy tỉ mỉ mà xem được mấy người có đáng vẽ muốn thành Phật?

Đương nhiên là thiếu số. Đạo lý là ở chỗ này. Quay đầu lại, chúng ta thấy mình thật may mắn. Chúng ta chính là một trong số mấy người thiếu số đó, thật là điều hiếm có, thật sự không dễ dàng.

“Nan trị nan kiến, như Ưu-đàm hoa”, hoa ưu-đàm hiện trong chốc lát, thời gian hoa Ưu-đàm nở rất ngắn, tỉ dụ cho Pháp môn này không dễ gặp, vô cùng hy hữu. Thế Tôn trong kinh này nói với chúng ta, tương lai Phật pháp bị diệt tận thì bộ kinh này, Pháp môn niệm Phật này vẫn còn lưu truyền 100 năm, bị tiêu mất sau cùng, cho thấy công đức của kinh này quả thật là vô lượng vô biên.

“Hy hữu xuất hiện. Nhữ kim sở vấn, đa sở nhiêu ích”, A-nan hỏi câu này có lợi ích

thật vô biên. Phật nói những lời này không một chút quá đáng. Chúng ta hiểu được đạo lý này, hiểu rõ sự thật này, chúng ta phải luôn luôn nghĩ đến, luôn luôn ghi nhớ để có thể đem Pháp môn này giới thiệu, tiến cử cho người khác thì lợi ích đó không hai không khác với lợi ích của lời khái thỉnh của A-nan. Đây đều là chân thật, hướng chỉ chúng ta lại in ấn lưu thông, in được càng nhiều càng tốt. Hiện nay, ngoài bản kinh được lưu hành ra còn lưu hành băng thu âm, băng ghi hình, công đức đó không hai không khác với lời Phật đã nói ở đây. Cho nên khi chúng ta thấy cũng đừng quá ngưỡng mộ: Ôi chao! Vận may của A-nan thật tốt. Chỉ một câu hỏi mà được công đức lớn như vậy. Chúng ta không được thời vận

này, không có cơ hội này. Kỳ thật chúng ta có, chính là ngay trước mắt. Hễ bạn có tâm, tự mình có ý chịu làm thì công đức của bạn cũng giống như A-nan. Ngài có cơ hội, chúng ta cũng có cơ hội, chúng ta không thua A-nan, phải hiểu như vậy. Tiếp theo Thế Tôn trực tiếp trả lời tỉ mỉ cho Ngài nghe. Tuy nhiên, nghe kinh phải hội đủ điều kiện, không đủ điều kiện thì có nghe cũng uổng công. Chúng ta hãy xem Phật yêu cầu người nghe kinh như thế nào?

“A-nan đương tri, Như Lai Chánh Giác, kỳ trí nan lượng, vô hữu chướng ngại”.

(A-nan nên biết: Trí Chánh Giác của Như Lai rất khó suy lường, không gì làm chướng ngại được).

Đoạn văn này thoát xem hình như Phật tự khen mình, vì sao? Không ai có thể biết công đức của Phật, không ai có thể khen ngợi, nên Phật đành phải tự nói ra. Hy vọng chúng ta có thể hiểu Ngài nhiều hơn, biết rõ Ngài nhiều hơn một chút, lòng tin của chúng ta đối với Phật có thể tăng trưởng, chúng ta phải nghiêm túc ghi nhớ những lời Ngài giảng để học tập, dụng ý của Ngài là ở chỗ này. Câu thứ nhất là nói về trí huệ của Phật, trí huệ của Phật là trí huệ sẵn có trong chân tâm bốn tánh của tất cả chúng sanh chúng ta. Chúng ta mê nên trí huệ không thể hiện tiền, Phật là đại giác không mê nên đức năng của bốn tánh hoàn toàn hiển lộ ra, không có chút chướng ngại nào. *Phật trí* tức là trí huệ vốn đầy đủ của chúng sanh, điều

này phải biết. Dưới đây cử một ví dụ, từ ví dụ này có thể lĩnh hội được trí huệ đức năng của Ngài đích thật là không thể nghĩ bàn.

“*Năng ư niệm khoảnh*”.

(Có thể trong một niệm).

“*Niệm khoảnh*” là nói thời gian vô cùng ngắn tạm, là một niệm, một sát-na.

“*Trụ vô lượng ức kiếp*”.

(An trụ vô lượng kiếp).

Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Có thể biến thời gian rất ngắn thành thời gian rất dài. Trong Hoa Nghiêm nói: “*Niệm kiếp viên dung*”. Phật có thể dùng khoảnh khắc một niệm biến thành vô lượng kiếp, lại có thể đem vô lượng kiếp biến thành một niệm khoảnh, một sát-na. Trên mặt thời gian được đại tự tại, tự tại về không gian thì

không cần phải nói nữa. Được tự tại về thời gian, việc này thật không dễ hiểu. Làm sao có thể rút ngắn thời gian được? Kỳ thật thì sự thật này cũng không khó lĩnh hội. Tỉ dụ như một người nằm mộng, Trung Quốc có ghi chép truyện Giác Mộng Hoàng Lương (giác mộng kê vàng), có lẽ nhiều người đã đọc qua. Bạn xem thời gian mà người đó nằm mộng rất ngắn, trong mộng thấy đã trải qua mấy mươi năm, khi tỉnh dậy, cháo kê còn chưa nấu chín. Hạt kê là một loại gạo kê, lúc lấy kê nấu cháo thì ông ngủ gục nằm mơ, trong giấc mơ thấy đã trải qua mấy mươi năm. Đến khi tỉnh lại, nồi cháo kê ông nấu vẫn chưa chín. Đây há không phải là mấy mươi năm thu ngắn trong vài chục phút đó sao? Do đó, chúng ta có thể lĩnh hội sự

việc này là có thể, không phải là không thể. Cho nên, con người có thể trở về quá khứ, cũng có thể sớm đi vào tương lai. Hiện nay, trong tiểu thuyết khoa học giả tưởng nói về đường hầm của thời gian và ánh sáng, đây là sự ảo tưởng của một số người. Tất cả pháp từ tâm tưởng mà sanh ra, người này suy tưởng như vậy thì tương lai có thể biến thành sự thật, vì hết thấy pháp từ tâm tưởng sanh mà. Cho nên bản năng này, đức năng tự tánh này của chúng sanh siêu việt thời gian, không gian.

“Thân cập chư căn vô hữu tăng giảm”.

(Thân và các căn không có tăng giảm).

“Vô hữu tăng giảm” tức là bất sanh bất diệt. Có sanh diệt là có tăng giảm. Không sanh không diệt, siêu việt thời gian không

gian thì không có đến đi. Đây đều là bản năng của tánh đức, Phật đã chứng đắc rồi cho nên Ngài thị hiện rất tự tại, không có gì chướng ngại, đây là nói trên sự.

“Sở dĩ giả hà”.

(Vì sao vậy?).

Vì sao Phật có đức năng như thế? Trong kinh Hoa Nghiêm nói rất tỉ mỉ, rất thấu triệt loại năng lực này, đó là Tứ Vô Ngại Pháp Giới. Thanh Lương Đại Sư nói với chúng ta: “*Sự vô ngại, lý vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại*”, đây là nhất chân pháp giới. Chúng ta học Phật, chúng ta muốn thành tựu, thành tựu điều gì? Thành tựu là hy vọng chúng ta có thể chứng đắc pháp giới vô ngại, chúng ta có thể khế nhập vào pháp giới vô ngại, giống như chư Phật Như Lai và đại

Bồ-tát, trí huệ thần thông đều rất tự tại. Có thể đạt được không? Được. Vì sao có thể được? Bởi vì là bản năng của chúng ta, nó vốn sẵn có, nên đương nhiên có thể chứng đắc. Bồ-tát Mã Minh trong Đại Thừa Khởi Tín Luận nói: “*Bổn giác bổn hữu, bất giác bổn vô*” (bổn giác vốn có, bất giác vốn không). **Vốn có đương nhiên có thể chứng đắc, vốn không đương nhiên có thể phá trừ đi.** Phiền não tập khí vọng tưởng của chúng ta vốn là không có, vốn đã không có thì sao lại không đoạn được chứ? Vốn không có thì nhất định có thể đoạn dứt, vốn sẵn có thì nhất định có thể khôi phục, có thể chứng đắc. Chúng ta từ chỗ này xây dựng lòng tin. Phật ở chỗ này biểu diễn cho chúng

ta xem, thị hiện cho chúng ta thấy, “*sở dĩ giả hà?*”. Phần dưới giải thích:

“*Như Lai định huệ, cứu sống vô cực*”.

(Định huệ của Như Lai thông đạt vô cùng), là đạo lý như vậy.

Định, huệ trên quả địa Phật đã viên mãn rồi, chúng ta thường nói “*phước huệ nghiêm*”, hai thứ trang nghiêm. Định là phước, trong Phật môn thường nói **thanh phước**. Trong nhà Phật gọi danh văn lợi dưỡng của người thế gian là **hồng phước**, là phước báo trong hồng trần, phước báo đó không thanh tịnh, có khổ não. Người thế gian thường nói: “Ôi chao! Bạn thật có phước khí”. Có “phước” sau đó có “khí”, lời nói như vậy không phải là tốt, bạn có phước khí, bạn hãy lắng nghe, “phước” hết rồi phía

sau chính là “khí”, phước là giả còn khí là thật. Trong Phật Pháp nói thanh phước, thanh phước thì không có chữ khí, chỉ có phước, không có khí. Cho nên nói định là phước báo, tâm địa có chủ tể, tâm địa rất thanh tịnh mới là phước báo chân thật, không có phiền não, không có tác dụng phụ. Hồng phước của thế gian phiền toái nhiều, phước nhiều thì khí nhiều, rắc rối nhiều. Huệ là trí huệ. “*Cứu sống vô cực*” là đạt đến cứu cánh viên mãn.

“Ư nhất thiết pháp, nhi đắc tối thắng tự tại cố”.

(Nên có thể đạt được sự tự tại tối thắng đối với tất cả pháp).

Phật đạt tự tại tối thù thắng trong tất cả pháp. Tự tại này là tối thù thắng, là vô lượng

vô biên. Trong kinh Hoa Nghiêm, Phật đem nó quy nạp làm mười loại lớn, mười thứ tự tại. Chúng ta xem Tâm Kinh, câu thứ nhất của Tâm Kinh là: “Quán Tự Tại Bồ-tát”, cái tự tại đó chính là mười loại tự tại viên mãn được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Làm thế nào đạt được tự tại? Quán thì sẽ tự tại. Chúng ta không biết quán, chúng ta thường khởi vọng tưởng, cái tưởng này là không tự tại. Quý vị nên biết tưởng là không tự tại, quán thì tự tại. Vậy chúng ta sẽ hỏi cái gì là quán? Cái gì gọi là tưởng? Tưởng là rơi vào trong tâm ý thức, vậy thì không tự tại rồi. Tâm là A-lại-da thức, ý là Mạt-na, thức là ý thức thứ sáu, là tâm ý thức. Ý thức thứ sáu là phân biệt, thức thứ bảy Mạt-na là chấp trước, thứ tám A-lại-da là lưu ấn tượng, như

vậy là không tốt. Lìa tâm ý thức, chúng ta mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, lục căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài không có tâm phân biệt là không dùng ý thức thứ sáu, không có chấp trước là không dùng Mạt-na, không lưu lại ấn tượng là không dùng thức thứ tám, gọi là lìa tâm ý thức. Đây là nguyên tắc dụng công tối quan trọng của Bồ-tát Đại Thừa. Thiên Tông tham thiền, trong thiền đường, đại Hòa Thượng thường nhắc nhở lìa tâm ý thức để tham, phải rời tâm ý thức, lìa tâm ý thức để tham thiền. Chúng ta tụng kinh, học giáo, niệm Phật có cần lìa tâm ý thức chăng? Vẫn phải lìa tâm ý thức. Người nghiên cứu Giáo lìa tâm ý thức có thể Đại Khai Viên Giải. Người niệm Phật lìa tâm ý thức sẽ chứng được Lý Nhất Tâm Bất Loạn,

cho thấy quán này rất quan trọng, quán tức là không dùng tâm ý thức, là trực tiếp.

Ngài Giao Quang Đại Sư trong Kinh Lăng-nghiêm Chánh Mạch nói: “Xả thức dụng căn”, tức là dùng tánh trong căn. Chúng ta mắt thấy sắc dùng tánh thấy để thấy, tai nghe tiếng dùng tánh nghe để nghe, đây gọi là quán. Cho nên Quán Thế Âm Bồ-tát thật cao minh, Ngài sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần không giống như chúng ta, chúng ta dùng tâm ý thức, Ngài lìa khỏi tâm ý thức, hoàn toàn dùng chân như bản tánh để quán thế gian này, cho nên Ngài đạt tự tại tối thắng. Phật và đại Bồ-tát đều nhập vào cảnh giới như thế. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này, cho dù học không thành thì cũng không thể không biết, chúng

ta phải rõ ràng minh bạch. Hiện tại, phiền não, tập khí quá nặng, không cách gì học được, không sao. Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc gặp A-di-đà Phật rồi chúng ta lại tu Pháp môn này, đến lúc đó sẽ không lo sợ nữa. Có Phật lực gia trì thì vọng tưởng phiền não của chúng ta đều bị tiêu diệt hết, công phu sẽ không khó hiện tiền.

“A-nan để thính”.

(A-nan hãy lắng nghe).

A-nan đã hỏi, tốt lắm, bây giờ ta sẽ nói với ông, ông phải nghiêm túc lắng nghe, phải nghe thật kỹ. Chữ “*để*” này tức là phải dụng tâm, phải tỉ mỉ. Ngày nay chúng ta có dụng tâm không? Có lắng nghe kỹ càng không? Nếu chúng ta vừa nghe kinh, một

mặt lại sanh vọng tưởng, như vậy không phải là “*đế thính*”. “*Đế thính*” là nghe một cách lão thật, khi nghe kinh không có một vọng niệm nào, khởi vọng niệm thì không phải là đế thính nữa rồi. Đây là Phật đặc biệt dặn dò A-nan. Tâm địa thanh tịnh không có vọng tưởng, nghe kinh có thể khai ngộ. Cho nên cổ nhân nghe kinh có thể khai ngộ còn chúng ta hiện nay vì sao nghe kinh lại không thể khai ngộ? Vì vừa nghe kinh lại vừa vọng tưởng. Điều này khó, không dễ dàng. Trong đây có hàm ý rất sâu.

“*Thiện tư niệm chi*”.

(Khéo nghĩ nhớ đó).

“*Thiện tư*” là tư huệ, “*niệm chi*” là tu hành, chữ “*đế thính*” là văn huệ, Văn Tư Tu

tam huệ đầy đủ. Ngài vừa nghe xong liền có thể lãnh ngộ, có thể ngộ nhập.

“Ngô đương vị nhữ, phân biệt giải thuyết”.

(Ta sẽ vì ông mà phân biệt giải rõ).

Phật thật sự rất từ bi, “ta đương nhiên phải nói cho ông, phải vì ông mà thuyết minh cặn kẽ sự thật này”. Phân biệt tựa này xin giảng đến đây.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!